

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N. atto notarile: Số công chứng: 00 SPECIMEN 00/2026 — Hà Nội, 20/2/2026

VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG

Accordo patrimoniale matrimoniale (contratto prematrimoniale) · ai sensi della Legge sul matrimonio e la famiglia del 2014

Ai sensi di: la Legge sul matrimonio e la famiglia del 2014 n. 52/2014/QH13 (Điều 47–50); il Decreto 126/2014/NĐ-CP; il Codice civile del 2015; e la libera volontà delle due parti,

IL MARITO (PARTE A)

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE

Pháp (France) — cá nhân nước ngoài Nazionalità

00 SPECIMEN 00 N. di passaporto

LA MOGLIE (PARTE B)

Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN>

Việt Nam Nazionalità

CCCD 001 SPECIMEN 001 N. di carta d'identità (CCCD)

CLAUSOLE DEL CONTRATTO

① Điều 1. Căn cứ thỏa thuận

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE (quốc tịch Pháp) và Bà NGUYỄN THỊ <SPECIMEN> (quốc tịch Việt Nam), dự định đăng ký kết hôn, tự nguyện lập văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo Điều 47–50 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 và Nghị định 126/2014/NĐ-CP.

② Điều 2. Chế độ tài sản được lựa chọn

Hai bên thỏa thuận áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận (không áp dụng chế độ tài sản pháp định), tách bạch tài sản riêng của mỗi bên và tài sản chung của vợ chồng theo Điều 48. Văn bản có hiệu lực kể từ ngày đăng ký kết hôn.

③ Điều 3. Tài sản riêng của Chồng

Căn hộ số 1804, tầng 18, dự án THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội (nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn) là tài sản riêng của Chồng, không thuộc khối tài sản chung của vợ chồng trong suốt thời kỳ hôn nhân.

④ Điều 4. Tài sản riêng của Vợ

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại <specimen>, phường Xuân La, quận Tây Hồ cùng sổ tiết kiệm số 0 SPECIMEN 0 tại Ngân hàng <SPECIMEN>bank là tài sản riêng của Vợ, hình thành trước hôn nhân.

⑤ Điều 5. Tài sản chung và nghĩa vụ chung

Thu nhập, tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, ngoài các tài sản đã liệt kê tại Điều 3 và Điều 4, là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng; việc quản lý, sử dụng, định đoạt phải có sự thỏa thuận của cả hai bên.

⑥ Điều 6. Hiệu lực, sửa đổi và cam kết

Văn bản có hiệu lực kể từ ngày công chứng và ngày đăng ký kết hôn (Điều 47), chỉ được sửa đổi, bổ sung, chấm dứt bằng văn bản công chứng mới (Điều 49). Hai bên cam đoan hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã thỏa thuận.

PER IL MARITO

Firma, nome completo

PER LA MOGLIE

Firma, nome completo

<SPECIMEN>

<SPECIMEN>

Il *Văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng* (contratto prematrimoniale), clausola per clausola

Un accordo sui beni matrimoniali stabilisce quali beni restano separati — essenziale quando uno dei coniugi è straniero e la casa della coppia è un appartamento a Hanoi. Prima di firmare, verificate sei clausole. I riferimenti ①–⑥ rimandano al facsimile della pagina precedente. Documento specimen — dati fittizi.

1 Parti e base giuridica — Căn cứ thỏa thuận

Verificate che entrambi i coniugi siano correttamente identificati (**nome completo, nazionalità, carta d'identità/passaporto**) e che l'accordo citi **Điều 47–50 della Legge sul matrimonio e la famiglia del 2014** — l'unica base giuridica valida per la scelta del regime patrimoniale.

RED FLAG Assenza di riferimento alla Legge sul matrimonio e la famiglia, oppure il documento è una lettera privata anziché un atto notarile.

2 Regime patrimoniale scelto — Chế độ tài sản theo thỏa thuận

La regola predefinita in Vietnam è la comunione dei beni; una coppia può invece optare per un **regime convenzionale** che mantiene separati i beni di ciascun coniuge. L'accordo deve indicare chiaramente quale regime si applica e da quale data.

RED FLAG L'accordo non specifica il regime scelto, oppure omette la data di decorrenza.

3 Beni personali del Marito — Tài sản riêng của chồng

L'appartamento del coniuge straniero — **acquistato prima del matrimonio** — deve essere elencato qui come suo bene personale, mantenendolo al di fuori del patrimonio coniugale e all'interno della sua quota individuale di proprietà riservata agli stranieri.

RED FLAG L'appartamento non è elencato come bene personale, esponendolo a una divisione al 50/50 in caso di divorzio.

4 Beni personali della Moglie — Tài sản riêng của Vợ

Eventuali diritti d'uso del suolo, risparmi o beni posseduti dalla coniuge vietnamita prima del matrimonio devono essere elencati in modo simmetrico, con dettagli sufficienti (indirizzo, numero di conto) per identificare ciascun bene.

RED FLAG Sono elencati i beni di un solo coniuge — un accordo squilibrato è più facile da contestare in tribunale.

5 Beni comuni e obblighi comuni — Tài sản chung, nghĩa vụ chung

Tutto ciò che viene acquisito insieme dopo il matrimonio — reddito, acquisti congiunti — resta **bene comune** e richiede il consenso di entrambi i coniugi per essere venduto, ipotecato o donato.

RED FLAG Nessuna disposizione per i beni comuni futuri, lasciando ambiguità su quanto acquistato dopo il matrimonio.

6 Data di efficacia e notarizzazione — Hiệu lực, công chứng

L'accordo è valido solo una volta **notarizzato (công chứng)**, ed entra in vigore alla data di registrazione del matrimonio; qualsiasi modifica richiede un nuovo atto notarile.

RED FLAG L'accordo non è firmato da un notaio, oppure viene successivamente modificato con una semplice lettera accessoria.

Documento SPECIMEN a scopo didattico — impaginazione semplificata ispirata a un accordo sui beni matrimoniali previsto dalla Legge sul matrimonio e la famiglia del 2014, compilato con dati fittizi. Non è un documento ufficiale, non ha alcun valore legale e non riproduce alcun sigillo reale. Questo non costituisce una consulenza legale: fate sempre